

CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
Số: 106

Doanh nghiệp: **TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP**

Địa chỉ: Tầng 18 & 19, Số 229 Tây Sơn, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 38513205

Fax: 024 38513207

Email: plc@petrolimex.com.vn

CÔNG BỐ:

- Tiêu chuẩn: **TCCS 106:2018/PLC**
DẦU NHỜN THỦY LỰC
AW HYDROIL HV
- Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa:
Dầu nhờn thủy lực **AW HYDROIL HV**

Mã số: 2710

Doanh nghiệp cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2025

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

KIỂM SOÁT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Quang Tuấn

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 106:2018/PLC

DẦU NHỜN THỦY LỰC AW HYDROIL HV
– YÊU CẦU KỸ THUẬT

TÁC GIẢ

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	
1. Phạm vi áp dụng	1
2. Tiêu chuẩn trích dẫn:	1
3. Yêu cầu kỹ thuật	1
4. Thông tin bổ sung	2
5. Các yêu cầu khác	2



LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn dầu nhờn thủy lực **AW HYDROIL HV** số hiệu: TCCS 106:2018/PLC do Tổng công ty Hoá dầu Petrolimex - CTCP (PLC) biên soạn và ban hành.

 PETROLIMEX PLX LUBES TỔNG CÔNG TY HOÁ DẦU PETROLIMEX	DẦU NHỜN THỦY LỰC AW HYDROIL HV	TCCS 106:2018/PLC Lần soát xét: 02 Ngày ban hành: 25/01/2018 Ngày soát xét: 01/08/2025
--	--	---

DẦU NHỜN THỦY LỰC AW HYDROIL HV

YÊU CẦU KỸ THUẬT

- 1. Phạm vi áp dụng:** Tiêu chuẩn này áp dụng cho dầu nhờn thủy lực **AW HYDROIL HV** do Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex - CTCP sản xuất.

Ghi chú: Tiêu chuẩn cơ sở này thay thế cho các tiêu chuẩn cơ sở phiên bản trước đây của sản phẩm AW HYDROIL HV.

- 2. Tiêu chuẩn trích dẫn:**

TT	KÝ HIỆU	TÊN TIÊU CHUẨN
1	ASTM D445	Phương pháp thử xác định Độ nhớt động học
2	ASTM D2270	Phương pháp thử xác định Chỉ số độ nhớt
3	ASTM D92	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ chớp cháy cốc hở
4	ASTM D97/ ASTM D6749	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ đông đặc
5	ASTM D892	Phương pháp thử xác định Đặc tính tạo bọt
6	ASTM D1401	Phương pháp thử xác định Khả năng tách nhũ
7	ASTM D130	Phương pháp thử xác định Khả năng ăn mòn tấm đồng
8	TCVN 6777 (ASTM D4057)	Sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp lấy mẫu thủ công
9	Nghị định 43/2017/NĐ-CP và Nghị định 111/2021/NĐ-CP	Nghị định về nhãn hàng hóa
10	Thông tư 21/2007/TT-BKHCHN và Thông tư 29/2011/TT-BKHCHN	Hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn

- 3. Yêu cầu kỹ thuật:**

- 3.1. Tiêu chuẩn này quy định các chỉ tiêu chất lượng cho dầu nhờn thủy lực AW HYDROIL HV 22/32/46/68/100/150 như sau:**

Phân loại theo cấp độ nhớt ISO VG 22/32/46/68/100/150.

3.2. Các yêu cầu về nguyên liệu chính:

- Dầu gốc: gốc dầu mỏ.
- Phụ gia: Phụ gia cho dầu thủy lực đảm bảo phù hợp các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường và không gây hỏng cho hệ thống thủy lực cũng như hệ thống tồn trữ, bảo quản, vận chuyển và phân phối sản phẩm.

3.3. Các chỉ tiêu chất lượng của dầu nhớt thủy lực AW HYDROIL HV:

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG	PHƯƠNG PHÁP THỬ	AW HYDROIL HV					
		22	32	46	68	100	150
1. Độ nhớt động học ở 40°C, cSt	ASTM D445	19,8÷24,2	28,8÷35,2	41,4÷50,6	61,2÷74,8	90÷110	135÷165
2. Chỉ số độ nhớt, min	ASTM D2270	150	150	145	140	130	125
3. Nhiệt độ chớp cháy cốc hở, °C, min	ASTM D92	170	180	190	200	200	200
4. Nhiệt độ đông đặc, °C, max	ASTM D97/ ASTM D6749	-36	-33	-30	-27	-24	-21
5. Khả năng tách nhũ, phút, max	ASTM D1401	30 (tại 54°C)	30 (tại 54°C)	30 (tại 54°C)	30 (tại 54°C)	60 (tại 82°C)	60 (tại 82°C)
6. Đặc tính tạo bọt ở 24°C, ml/ml, max	ASTM D892	50/0	50/0	50/0	50/0	50/0	50/0
7. Đặc tính tạo bọt ở 93,5°C, ml/ml, max	ASTM D892	50/0	50/0	50/0	50/0	50/0	50/0
8. Khả năng ăn mòn tấm đồng, max	ASTM D130	1b	1b	1b	1b	1b	1b

3.4. Lấy mẫu: Theo TCVN 6777 (ASTM D4057)

4. Thông tin bổ sung:

- 4.1. Ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản: Theo TCCS 50:2018/PLC.
- 4.2. Bao gói: Dầu nhớt thủy lực **AW HYDROIL HV** được đóng gói theo dung tích ghi trên bao bì. Thông thường: Phuy 209 lít, Thùng 25 lít, Thùng 18 lít

5. Các yêu cầu khác:

- 5.1. Chứng nhận chất lượng hàng hoá: Theo Chứng chỉ chất lượng cụ thể của từng lô hàng do các Phòng thử nghiệm VILAS 017 hoặc VILAS 022 cấp khi giao nhận hàng hoá.